

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 49
8. Phụ lục	50 - 55

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Gemadept hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301116791, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 15 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : (84-28) 38 236 236
- Fax : (84-28) 38 235 236

Công ty kiến định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương, Nam Hải ICD và đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không, ...;
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thanh Lộc	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Bolat Duisenov	Thành viên
Ông David Do	Thành viên
Bà Lê Thúy Hương	Thành viên
Bà Hà Thu Hiền	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên đã miễn nhiệm
Ông Phạm Tiến Tĩnh	Thành viên đã miễn nhiệm

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên
Bà Trần Hoàng Ngọc Uyên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Văn Minh – Tổng Giám đốc Công ty (tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018



Số: 1.1170/18/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2018, từ trang 06 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.


Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C




Nguyễn Minh Trí
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.480.086.652.213	2.223.117.121.083
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	182.909.541.076	779.802.200.597
1. Tiền	111		148.913.018.854	494.938.359.637
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.996.522.222	284.863.840.960
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		103.330.475.028	113.000.452.720
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	140.694.265.680	140.694.265.680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(70.463.790.652)	(74.153.531.152)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	33.100.000.000	46.459.718.192
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		981.388.234.440	1.127.689.185.681
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	393.873.437.590	619.894.329.405
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	353.926.847.777	306.179.387.814
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	16.110.000.000	15.780.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	228.637.211.527	199.721.186.951
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(11.159.262.454)	(13.885.718.489)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	62.982.365.973	107.800.595.571
1. Hàng tồn kho	141		66.072.537.773	110.858.381.291
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.090.171.800)	(3.057.785.720)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		149.476.035.696	94.824.686.514
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	9.112.404.895	11.702.482.727
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		137.630.276.188	79.350.944.882
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	2.733.354.613	3.771.258.905
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.524.732.499.481	9.068.100.086.189
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		104.493.586.270	127.490.383.350
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	358.000.000	358.000.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	104.135.586.270	127.132.383.350
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.382.255.923.079	3.208.464.134.770
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	3.037.998.545.340	2.827.737.097.831
- Nguyên giá	222		4.463.164.725.875	4.816.531.395.729
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.425.166.180.535)	(1.988.794.297.898)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	56.694.489.327	64.828.449.857
- Nguyên giá	225		92.987.286.021	92.987.286.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(36.292.796.694)	(28.158.836.164)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	287.562.888.412	315.898.587.082
- Nguyên giá	228		345.589.268.919	375.212.554.403
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.026.380.507)	(59.313.967.321)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.602.118.869.554	2.457.808.973.398
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.602.118.869.554	2.457.808.973.398
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.668.719.508.180	2.310.194.997.897
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	2.446.189.262.191	2.198.035.895.580
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	238.333.032.000	238.333.032.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(15.802.786.011)	(126.173.929.683)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		767.144.612.398	964.141.596.774
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	668.161.461.168	837.630.679.562
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	29.809.472.482	33.016.627.000
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	69.173.678.748	93.494.290.212
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		10.004.819.151.694	11.291.217.207.272

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.411.872.967.851	4.196.680.125.183
I. Nợ ngắn hạn	310		1.591.716.397.688	2.676.231.766.155
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	382.306.876.329	761.273.221.507
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	4.831.362.790	44.834.320.046
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	145.599.665.851	42.803.370.054
4. Phải trả người lao động	314	V.19	34.355.698.916	101.245.754.112
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	211.998.589.084	317.045.083.559
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	9.500.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	108.346.784.795	580.734.276.203
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	563.930.570.864	714.513.339.980
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23	67.589.745.020	66.971.291.211
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	72.757.104.039	46.801.609.483
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.820.156.570.163	1.520.448.359.028
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.25	234.175.664.067	231.677.582.133
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	64.208.238.000	61.593.495.590
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	1.521.407.783.168	1.220.610.259.547
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.26	364.884.928	6.567.021.758
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.592.946.183.843	7.094.537.082.089
I. Vốn chủ sở hữu	410		6.592.946.183.843	7.094.537.082.089
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27	2.882.769.570.000	2.882.769.570.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.882.769.570.000	2.882.769.570.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	1.941.832.197.040	1.941.832.197.040
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.27	71.797.775.902	71.797.775.902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.27	77.647.281.047	65.512.288.857
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.27	140.506.685.321	140.506.685.321
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.27	127.495.807.349	128.055.807.347
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.27	687.780.257.905	1.113.091.207.224
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	1.113.091.207.224
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		687.780.257.905	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.27	663.116.609.279	750.971.550.398
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		10.004.819.151.694	11.291.217.207.272

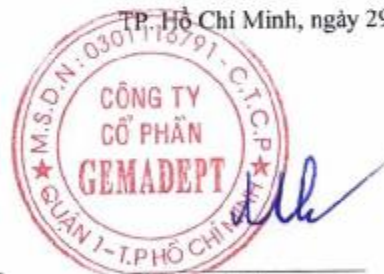
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2018



Phạm Quang Huy
Người lập



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.299.074.551.073	1.867.538.461.087
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.299.074.551.073	1.867.538.461.087
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	813.979.917.999	1.399.928.678.519
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		485.094.633.074	467.609.782.568
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.546.133.686.333	35.504.175.247
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(24.431.043.793)	85.490.773.027
Trong đó: chi phí lãi vay	23		53.630.625.584	87.741.458.559
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	53.974.186.700	52.376.591.361
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	79.207.983.735	36.978.970.008
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	149.644.130.047	145.408.883.641
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.880.781.436.118	287.611.922.500
12. Thu nhập khác	31	VI.7	11.887.720.447	38.133.417.098
13. Chi phí khác	32	VI.8	103.163.323.072	65.006.454.471
14. Lợi nhuận khác	40		(91.275.602.625)	(26.873.037.373)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.789.505.833.493	260.738.885.127
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	238.263.659.738	29.271.666.147
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(2.944.045.012)	951.036.494
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.554.186.218.767	230.516.182.486
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.528.862.954.602	192.543.166.727
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		25.323.264.165	37.973.015.759
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	5.243	946
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	5.243	946


Phạm Quang Huy
 Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.789.505.833.493	260.738.885.127
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		151.333.962.072	148.943.422.813
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7	(113.689.942.377)	(17.357.073.901)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	7.579.590.554	(4.506.616.986)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(1.443.698.210.174)	32.684.887.476
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	53.630.625.584	87.741.458.559
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		444.661.859.152	508.244.963.088
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(68.705.324.769)	98.331.279.605
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.170.947.488	(28.764.636.720)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(46.641.482.968)	(134.709.002.393)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.031.661.949	2.950.281.141
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	2.064.388.947
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.20, V.21, VI.4	(37.778.588.719)	(39.328.906.469)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(106.390.517.499)	(46.077.501.708)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.278.046.602)	(20.676.611.224)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		195.070.508.032	342.034.254.267
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(743.428.605.693)	(581.762.714.873)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.541.792.492	12.955.624.812
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(36.330.000.000)	(40.665.386.944)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		56.765.000.000	61.800.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(230.649.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.814.973.893.654	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2, V.6, VI.3	78.941.517.113	97.248.879.734
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		942.814.597.566	(450.423.597.271)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

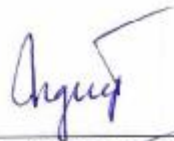
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		836.989.914.089	119.463.223.870
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(216.032.074.526)	(116.873.235.150)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		(10.356.196.331)	(9.706.593.051)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.345.656.266.600)	(34.175.271.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.735.054.623.368)	(41.291.875.661)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(597.169.517.770)	(149.681.218.665)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	779.802.200.597	724.469.956.298
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		276.858.249	670.125.713
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	182.909.541.076	575.458.863.346

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2018



Phạm Quang Huy
Người lập



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gemadep (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương, Nam Hải ICD và đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không...;
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty đã chi trả cổ tức năm 2016 và cổ tức đặc biệt năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 80%, tương đương 8.000 VND/cổ phiếu.

Trong kỳ, Tập đoàn đã tiến hành giải thể và thoái vốn tại một số công ty con (xem phần thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn).

Trong kỳ, Tập đoàn tiếp tục góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương, Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương và Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadep.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tại thời điểm cuối kỳ, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 19 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 17 công ty liên doanh, liên kết (tại thời điểm đầu năm Tập đoàn có 32 công ty con và 10 công ty liên doanh, liên kết). Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Ngày 13 tháng 02 năm 2018 Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 50,90% phần vốn góp tại Công ty TNHH Gemadep Logistics Holding. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết”. Công ty TNHH Gemadep Logistics Holding đã được đổi tên thành Công ty TNHH CJ Gemadep Logistics

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Holdings theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314546921 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15 tháng 3 năm 2018. Các công ty con của Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings gồm: Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept, Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng và Công ty Cổ phần Mekong Logistics đang từ công ty con trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.

Ngày 13 tháng 02 năm 2018 Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 49% phần vốn góp tại Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” theo thỏa thuận của hợp đồng chuyển nhượng vốn góp. Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding đã được đổi tên thành Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314492497 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15 tháng 3 năm 2018. Các công ty con của Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings gồm: Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept, Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd. và Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd. đang từ công ty con trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.

Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept.

Trong kỳ, Tập đoàn đã chấm dứt hoạt động các công ty con: Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng, Gemadept (S) Pte. Ltd. và Grand Pacific Shipping Pte.Ltd.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	84,66%	84,66%	84,66%	84,66%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	201 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	80,40%	80,40%	80,40%	80,40%
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ ⁽¹⁾	Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%	54,00%
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH ISS – Gemadept	45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	61 đường 468, Phường Toul Tumpoung 2, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	18B đường 500, Phường Phsar Deum Thkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương	947 Thôn Por Prok Khang Tdong, Phường Kar Karb, Quận Po Sen Chey, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	98 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	53,20%	53,20%	53,20%	53,20%
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tin	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%

- (i) Tập đoàn nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

6c. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,10%	100%	49,10%	100%
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	49,10%	100%	49,10%	100%
Công ty Cổ phần Mekong Logistic	Khu công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	25,02%	50,96%	25,02%	50,96%
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Tầng 6, lô 20A, tòa nhà TD Plaza Business Center, đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	49,10%	100%	49,10%	100%
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	100%	50,00%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	100%	50,00%	100%
Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.	63 Market Street #05 – 01A Bank of Singapore Centre, Singapore, 048942	51,00%	100%	50,00%	100%
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	No.68B, Jalan Batai Laut 4, Taman Intan, 41300 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia	51,00%	100%	50,00%	100%
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ⁽ⁱ⁾	Khu vực Cái Mép, Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	65,13%	65,13%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	32,58%	32,89%	32,58%	32,89%
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,56%	26,56%	26,56%	26,56%
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	973 đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%	26,78%
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Tầng 13, tòa nhà Sài Gòn Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%

⁽ⁱ⁾ Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link là hơn 50% nhưng theo Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 76% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua. Do đó khoản đầu tư này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.452 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.845 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 2% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính toàn bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí phát sinh liên quan đến các dự án chưa hoàn thành.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí nhượng quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và chi phí lãi thuê tài chính container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất thể hiện khoản tiền thuê đất, các chi phí tư vấn và chi phí khác đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí nhượng quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời hạn thuê đất.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 02 – 03 năm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

Chi phí thiết kế trang Web

Chi phí thiết kế trang Web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Các chi phí phát sinh liên quan đến các lô cây trồng sinh trưởng kém sẽ được ghi giảm vào chi phí khác trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	16.501.249.971	18.620.790.100
Tiền gửi ngân hàng	130.456.584.200	473.687.600.445
Tiền đang chuyển	1.955.184.683	2.629.969.092
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	<u>33.996.522.222</u>	<u>284.863.840.960</u>
Cộng	<u>182.909.541.076</u>	<u>779.802.200.597</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân	94.971.030.000	53.177.982.800	(41.793.047.200)	94.971.030.000	50.379.141.600	(44.591.888.400)
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	31.488.264.362	17.052.096.000	(14.436.168.362)	31.488.264.362	15.799.832.700	(15.688.431.662)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)	14.234.321.100	361.364.000	(13.872.957.100)
Các cổ phiếu khác	650.218	485.250	(253.990)	650.218	512.500	(253.990)
Cộng	<u>140.694.265.680</u>	<u>70.230.564.050</u>	<u>(70.463.790.652)</u>	<u>140.694.265.680</u>	<u>66.540.850.800</u>	<u>(74.153.531.152)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(74.153.531.152)	(91.692.607.552)
Hoàn nhập dự phòng	3.689.740.500	15.196.705.200
Số cuối kỳ	(70.463.790.652)	(76.495.902.352)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi đã được cầm cố tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi để đảm bảo thực hiện hợp đồng mua nhiên liệu với Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung tại Quảng Nam.

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	1.477.350.000.000(116.434.516.063)	1.360.915.483.937	1.477.350.000.000 (110.224.254.762)	1.367.125.745.238
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	396.204.440.000	122.882.195.087	396.204.440.000	116.773.764.979
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	131.555.876.205	8.247.067.263	-	-
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept	108.001.500.000	5.386.260.299	113.387.760.299	71.352.500.000
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	104.620.023.000	(3.261.813.074)	101.358.209.926	-
Công ty TNHH Golden Globe	89.355.403.136	(123.355.391)	89.232.047.745	89.355.403.136
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	62.538.064.097	17.202.277.285	79.740.341.382	62.538.064.097
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	49.825.280.000	(17.951.279.789)	31.874.000.211	49.825.280.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	-	-	-	23.236.200.000
Các công ty liên doanh, liên kết khác	29.425.608.143	(18.633.768.007)	10.791.840.136	29.425.608.143
Cộng	2.448.876.194.581	(2.686.932.390)	2.446.189.262.191	2.199.287.495.376
			(1.251.599.796)	2.198.035.895.580

Thông tin về giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link		
Doanh thu cho thuê văn phòng	132.000.000	132.000.000
Lãi vay	639.917.450	612.479.482
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn		
Doanh thu dịch vụ	-	18.000.000
Chi phí dịch vụ	-	591.872.230
Cổ tức được chia	55.885.920.000	83.828.880.000
Vay	80.000.000.000	-
Lãi vay	804.821.918	-
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	1.231.417.200	4.802.382.240
Chi phí dịch vụ	-	7.719.093
Góp vốn	36.649.000.000	-
Vay	15.000.000.000	-
Lãi vay	174.246.575	-
Công ty TNHH Golden Globe		
Chi hộ	-	4.762.800.000
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	1.157.040.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm		
Cho vay	330.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	5.625.636.710	-
Doanh thu cho thuê tài sản	1.437.954.545	-
Chi hộ	577.584.570	-
Thu hộ	17.224.309.463	-
Cho vay	5.000.000.000	-
Lãi cho vay	299.916.438	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Doanh thu dịch vụ	14.931.566.052	-
Doanh thu cho thuê tài sản	2.710.909.091	-
Chi phí dịch vụ	27.806.641.721	-
Chi hộ	27.019.386	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept		
Doanh thu cho thuê tài sản	23.166.094.664	-
Doanh thu dịch vụ	12.740.082.948	-
Chi phí dịch vụ	1.941.147.277	-
Thu hộ	22.930.490.921	-
Chi hộ	1.923.876.909	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Cho vay	3.000.000.000	-
Lãi cho vay	70.767.123	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực		
Chi phí dịch vụ	-	24.727.944.720
Cổ tức được chia	-	1.072.446.000

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết được sử dụng để cầm cố

Tập đoàn đã dùng 11.100.000 cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.22b).

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	165.581.032.000	-	165.581.032.000	(113.572.432.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ Tầng Mặt trời Đông Dương	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam ⁽¹⁾	31.752.000.000	(12.493.645.455)	31.752.000.000	(9.276.109.455)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	(3.309.140.556)	5.000.000.000	(3.325.388.228)
Cộng	238.333.032.000	(15.802.786.011)	238.333.032.000	(126.173.929.683)

⁽¹⁾ Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam đang hoàn tất các thủ tục giải thể.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(126.173.929.683)	(117.274.301.663)
Hoàn nhập dự phòng	110.371.143.672	491.852.021
Số cuối kỳ	(15.802.786.011)	(116.782.449.642)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	37.157.815.986	1.201.545.526
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	19.010.774.881	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	15.078.128.049	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	2.970.329.556	-
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	72.600.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	18.000.000	25.500.000
Công ty TNHH ISS – Gemadept	7.983.500	-
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	-	1.129.546.073
Công ty TNHH Golden Globe	-	46.499.453
Phải thu các khách hàng khác	356.715.621.604	618.692.783.879
Cộng	393.873.437.590	619.894.329.405

Quyền đòi nợ của một số khoản phải thu đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.22a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	60.774.181.296	63.774.181.296
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà	31.845.921.032	32.610.413.004
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương	28.836.701.855	109.964.480.918
Các nhà cung cấp khác	232.470.043.594	99.830.312.596
Cộng	353.926.847.777	306.179.387.814

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Khoản trả trước cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Vương Song.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho các bên liên quan vay	5.110.000.000	1.780.000.000
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.110.000.000	1.780.000.000
Cho các tổ chức khác vay	11.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	16.110.000.000	15.780.000.000

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	64.113.645.954	22.199.928.222
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Lợi nhuận được chia, nhờ thu hộ	32.348.287.065	-
Công ty TNHH Golden Globe – Chi hộ	20.839.000.000	20.620.600.000
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Chi hộ, lợi nhuận được chia	9.094.066.976	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực – Cổ tức	1.072.446.000	1.072.446.000
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng – Chi hộ	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm – Lãi cho vay	206.882.222	206.882.222
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Chi hộ	182.196.568	-
Công ty Cổ phần Mekong Logistics – Lãi cho vay	70.767.123	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	164.523.565.573	177.521.258.729
Tạm ứng	68.874.830.321	80.608.440.135
Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam – Khoản hợp tác đầu tư	26.445.000.000	26.445.000.000
Các khoản chi hộ	9.138.052.332	13.131.120.092
Các khoản ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	10.310.497.900	22.936.179.547
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	49.755.185.020	34.400.518.955
Cộng	228.637.211.527	199.721.186.951

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sài Gòn Xanh – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án đầu tư và khai thác đội tàu công trình thi công nạo vét cảng, luồng lạch	31.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà – Hỗ trợ vốn	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Mặt Trời Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản ký quỹ, đặt cọc dài hạn	7.188.963.270	61.107.531.880
Các khoản phải thu dài hạn khác	4.946.623.000	5.024.851.470
Cộng	104.135.586.270	127.132.383.350

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Linh – Phải thu về kinh doanh chứng khoán Penex Container lines Pte. Ltd – Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	3.000.000.000	Trên 03 năm	3.000.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 01 năm đến trên 03 năm	2.763.212.976	Từ 01 năm đến trên 03 năm	2.763.212.976
Cộng		5.497.659.397		8.731.663.815
		11.260.872.373		14.494.876.791
		(11.159.262.454)		(13.885.718.489)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(13.885.718.489)	(15.255.839.381)
Trích lập dự phòng bổ sung	(370.941.795)	-
Giảm do thoái vốn công ty con	3.097.397.830	-
Hoàn nhập dự phòng	-	1.663.119.000
Xóa nợ	-	26.876.769
Số cuối kỳ	(11.159.262.454)	(13.565.843.612)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	2.679.521.050	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	41.333.744.499	-	31.030.378.912	-
Nhiên liệu tồn trên tàu	948.854.552	-	18.542.370.120	-
Phụ tùng thay thế	-	-	16.817.609.411	-
Công cụ dụng cụ	356.644.600	-	537.186.111	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.531.910.501	-	33.272.510.599	-
Hàng hóa, thành phẩm	12.901.383.621	(3.090.171.800)	7.978.805.088	(3.057.785.720)
Cộng	66.072.537.773	(3.090.171.800)	110.858.381.291	(3.057.785.720)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(3.057.785.720)	(3.065.882.240)
Hoàn nhập dự phòng	-	5.397.680
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	(32.386.080)	-
Số cuối kỳ	(3.090.171.800)	(3.060.484.560)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	2.164.242.392	2.808.533.460
Chi phí vật tư	239.133.336	3.259.581.350
Chi phí bảo hiểm	3.233.785.978	3.197.397.875
Các chi phí khác	3.475.243.189	2.436.970.042
Cộng	9.112.404.895	11.702.482.727

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí nhượng quyền sử dụng đất ⁽ⁱ⁾	142.485.425.459	275.038.913.742
Tiền thuê đất ⁽ⁱⁱ⁾	452.713.874.064	466.246.574.207
Chi phí đầu tư đường gom	25.261.510.404	27.026.364.939
Chi phí vật tư, phụ tùng	1.594.332.180	23.087.327.160
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	802.551.813	8.620.084.653
Chi phí lãi thuê tài chính container	15.537.339.932	17.701.641.274
Các chi phí khác	29.766.427.316	19.909.773.587
Cộng	668.161.461.168	837.630.679.562

(i) Chi phí nhượng quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (xem thuyết minh số V.22b).

(ii) Tiền thuê đất của Công ty Cổ phần ICD Nam Hải và Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ. Tiền thuê đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.22b).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.530.169.505.383	1.109.716.525.465	2.129.356.317.680	47.289.047.201	4.816.531.395.729
Mua trong kỳ	-	1.686.363.636	216.201.161.775	1.647.696.582	219.535.221.993
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	569.056.705.693	399.605.009.190	-	7.778.831.136	976.440.546.019
Thanh lý	-	(2.754.462.458)	(1.785.153.084)	-	(4.539.615.542)
Giảm do thoái vốn	(161.046.845.788)	(193.432.392.611)	(1.150.705.016.001)	(32.739.728.570)	(1.537.923.982.970)
Giảm khác	-	-	(9.271.246.714)	-	(9.271.246.714)
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	2.204.337.120	35.816.640	134.847.120	17.406.480	2.392.407.360
Số cuối kỳ	1.940.383.702.408	1.314.856.859.862	1.183.930.910.776	23.993.252.829	4.463.164.725.875
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	31.227.674.452	95.502.424.270	244.479.158.366	9.256.661.976	380.465.919.064
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	456.822.862.774	385.784.247.638	1.131.841.132.731	14.346.054.755	1.988.794.297.898
Khấu hao trong kỳ	54.298.833.180	44.713.688.269	41.344.982.382	698.494.150	141.055.997.981
Thanh lý	-	(2.754.462.458)	(1.785.153.084)	-	(4.539.615.542)
Giảm do thoái vốn	(12.507.161.456)	(40.337.282.775)	(635.041.465.511)	(4.827.677.475)	(692.713.587.217)
Giảm khác	-	-	(8.772.170.095)	-	(8.772.170.095)
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	1.177.314.270	35.591.900	111.232.460	17.118.880	1.341.257.510
Số cuối kỳ	499.791.848.768	387.441.782.574	527.698.558.883	10.233.990.310	1.425.166.180.535
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.073.346.642.609	723.932.277.827	997.515.184.949	32.942.992.446	2.827.737.097.831
Số cuối kỳ	1.440.591.853.640	927.415.077.288	656.232.351.893	13.759.262.519	3.037.998.545.340
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.504.840.482.192 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.22b).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	92.987.286.021
Số cuối kỳ	92.987.286.021
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	28.158.836.164
Khấu hao trong kỳ	8.133.960.530
Số cuối kỳ	36.292.796.694
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	64.828.449.857
Số cuối kỳ	56.694.489.327

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**12. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Chi phí thiết kế trang Web</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	344.131.744.203	30.975.810.200	105.000.000	375.212.554.403
Mua trong kỳ	-	203.000.000	-	203.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	15.152.533.065	-	15.152.533.065
Giảm do thoái vốn	(42.339.417.073)	(5.585.449.716)	-	(47.924.866.789)
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	2.944.615.680	1.432.560	-	2.946.048.240
Số cuối kỳ	304.736.942.810	40.747.326.109	105.000.000	345.589.268.919
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	10.081.813.187	30.000.000	10.111.813.187
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	42.813.415.433	16.456.438.985	44.112.903	59.313.967.321
Khấu hao trong kỳ	3.029.639.286	1.383.000.583	7.500.000	4.420.139.869
Giảm do thoái vốn	(3.386.002.968)	(2.704.593.386)	-	(6.090.596.354)
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	381.556.640	1.313.031	-	382.869.671
Số cuối kỳ	42.838.608.391	15.136.159.213	51.612.903	58.026.380.507
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	301.318.328.770	14.519.371.215	60.887.097	315.898.587.082
Số cuối kỳ	261.898.334.419	25.611.166.896	53.387.097	287.562.888.412
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 15.047.429.941 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.22b).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	33.016.627.000	26.086.668.794
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(3.207.154.518)	(882.409.191)
Tăng khác	-	60.557.220
Số cuối kỳ	29.809.472.482	25.264.816.823

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**15. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept, Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải và Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ. Chi tiết phân bổ như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Số đã phân bổ</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	334.718.217.270	241.223.927.058	93.494.290.212
Phân bổ trong kỳ		16.485.090.292	
Giảm do thoái vốn công ty con	(52.236.807.812)	(44.401.286.640)	
Số cuối kỳ	282.481.409.458	213.307.730.710	69.173.678.748

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	26.668.683.659	22.285.504.586
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	13.316.628.434	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	8.533.182.577	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	4.818.872.648	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	-	22.285.504.586
Phải trả các nhà cung cấp khác	355.638.192.670	738.987.716.921
Rich Mountain Trading Co., Ltd	68.870.740.000	71.072.196.800
V.K.S Capital Investment Co., Ltd	60.683.660.000	53.904.283.280
Shanghai Zhenhua Heavy Industries Co., Ltd	-	219.299.040.000
Các nhà cung cấp khác	226.083.792.670	394.712.196.841
Cộng	382.306.876.329	761.273.221.507

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Khánh Duy	2.000.000.000	-
Benetech Shipping SA	728.466.920	-
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	-	17.879.882.833
Marubeni Logistics Corporation	-	15.117.199.993
Các khách hàng khác	2.102.895.870	11.837.237.220
Cộng	4.831.362.790	44.834.320.046

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Thoái vốn tại công ty con</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>		<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.482.829.994	-	41.181.159.670	(39.253.142.499)	(4.103.580.740)	3.311.871.623	4.605.198
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	55.483.209.165	(55.483.209.165)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	52.737.517	(52.737.517)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.103.148.549	1.934.612.615	238.263.659.738	(106.390.517.499)	(24.925.484.901)	139.697.974.767	581.781.495
Thuế thu nhập cá nhân	1.216.632.703	1.522.977.887	69.001.215.714	(67.362.427.718)	(526.467.151)	2.438.079.315	1.632.103.654
Các loại thuế khác	2.000.758.808	313.668.403	6.284.259.041	(6.923.687.632)	(1.410.785.934)	151.740.146	514.864.266
Cộng	42.803.370.054	3.771.258.905	410.266.240.845	(275.465.722.030)	(29.966.318.726)	145.599.665.851	2.733.354.613

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Riêng các công ty ở nước ngoài nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo quy định cụ thể của từng nước.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	573.343.068	6.285.908.465
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay	308.350.190	6.285.908.465
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Chi phí dịch vụ	264.992.878	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	211.425.246.016	310.759.175.094
Chi phí lãi vay	24.769.287.909	9.550.398.002
Chi phí cho dự án trồng cao su	61.701.180.000	58.143.173.960
Chi phí sửa chữa, xây dựng	59.231.392.591	15.248.157.242
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	21.422.660.424	19.152.578.328
Chi phí mua sắm tài sản	-	147.290.400.000
Chi phí khác	44.300.725.092	61.374.467.562
Cộng	<u>211.998.589.084</u>	<u>317.045.083.559</u>

21. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	15.370.316.498	72.304.500
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Thu hộ	6.957.478.025	-
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay	6.610.705.233	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Thu hộ	1.407.959.847	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Các khoản thu hộ và phải trả khác	321.868.893	-
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept – Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng	72.304.500	72.304.500

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	92.976.468.297	580.661.971.703
Chi phí thuê đất (*)	6.849.032.000	-
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.510.810.926	1.967.344.581
Nhận đặt cọc ngắn hạn	3.875.713.655	12.315.425.815
Cổ tức phải trả	10.299.330.750	475.664.793.208
Phải trả về dịch vụ làm đại lý	6.274.627.078	13.857.644.949
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	64.166.953.888	76.856.763.150
Cộng	108.346.784.795	580.734.276.203
21b. Phải trả dài hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	2.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Nhận đặt cọc cho thuê kho	2.000.000.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	62.208.238.000	61.593.495.590
Chi phí thuê đất (*)	62.208.238.000	58.210.475.280
Nhận đặt cọc dài hạn	-	3.383.020.310
Cộng	64.208.238.000	61.593.495.590
(*) Các khoản chi phí thuê đất phát sinh tại Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương và Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương được phân bổ cho giai đoạn từ năm 2011 lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2018. Các khoản chi phí này sẽ được thanh toán sau thời hạn 05 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất.		
21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán		
Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.		
22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn		
22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	247.357.853.440	244.776.728.013
Vay Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng	247.357.853.440	244.776.728.013
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức	109.058.314.591	239.462.274.519
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (i)	73.842.667.093	-
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (ii)	35.215.647.498	729.387.696
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn	-	175.605.000.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	-	19.127.886.823
Vay Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú – Hậu Giang	-	44.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả các tổ chức	207.514.402.833	230.274.337.448
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	185.918.265.333	208.903.550.948
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	21.596.137.500	21.370.786.500
Cộng	563.930.570.864	714.513.339.980

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm và các quyền lợi ích phát sinh trên đất thuê, tài sản trên đất hình thành từ vốn vay, máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mà Công ty đã ký trước và sau thời điểm ký hợp đồng tín dụng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	1.465.612.814.108	1.154.741.380.660
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	858.411.334.997	359.696.992.183
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình ⁽ⁱⁱ⁾	202.439.019.285	104.349.060.000
Vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	188.419.122.328	222.548.126.025
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn ^(iv)	90.000.000.000	100.000.000.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi ^(v)	80.000.000.000	96.000.000.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng ^(vi)	46.343.337.498	69.515.007.334
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ	-	202.632.195.118
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	55.794.969.060	65.868.878.887
Cộng	1.521.407.783.168	1.220.610.259.547

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh với thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và để đầu tư dự án Cảng Nam Đình Vũ với thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và toàn bộ quyền khai thác dự án, hạ tầng trên đất, công trình xây dựng, máy móc thiết bị,... và các tài sản gắn liền với đất đang tồn tại và sẽ hình thành trong tương lai thuộc phạm vi của dự án (xem thuyết minh số V.9b, V.10 và V.12).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình để đầu tư mua tàu Green Pacific và Pride Pacific với thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hải Phòng để tài trợ gói máy móc thiết bị thuộc dự án cảng Nam Hải Đình Vũ, thời hạn vay 08 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị gói máy móc thiết bị của dự án cảng Nam Hải Đình Vũ (xem thuyết minh số V.9b và V.10).

Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hải Phòng để tài trợ một phần cho đầu tư dự án Trung tâm Logistics và Công nghiệp Nam Hải. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê lại đất lô đất CN3 – Khu công nghiệp MP Đình Vũ, tài sản gắn liền với đất, các thiết bị.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn để góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Phước Long với thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng 11.100.000 cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (xem thuyết minh số V.2c).
- (v) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi để đầu tư Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, thời hạn vay 14,5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất (xem thuyết minh số V.10).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng để thực hiện dự án cảng Nam Hải Đình Vũ, thời hạn vay 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm và các quyền lợi ích phát sinh trên đất thuê, tài sản trên đất hình thành từ vốn vay, máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	1.651.531.079.441	185.918.265.333	997.917.743.749	467.695.070.359
Nợ thuê tài chính	77.391.106.560	21.596.137.500	55.794.969.060	-
Cộng	1.728.922.186.001	207.514.402.833	1.053.712.712.809	467.695.070.359
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	1.363.644.931.608	208.903.550.948	900.864.952.106	253.876.428.554
Nợ thuê tài chính	87.239.665.387	21.370.786.500	65.868.878.887	-
Cộng	1.450.884.596.995	230.274.337.448	966.733.830.993	253.876.428.554

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền gốc phải trả	16.906.602.999	44.017.603.959	60.924.206.958
Lãi thuê phải trả	4.689.534.501	11.777.365.101	16.466.899.602
Nợ thuê tài chính phải trả	21.596.137.500	55.794.969.060	77.391.106.560
Số đầu năm			
Tiền gốc phải trả	16.730.186.272	51.923.382.967	68.653.569.239
Lãi thuê phải trả	4.640.600.228	13.945.495.920	18.586.096.148
Nợ thuê tài chính phải trả	21.370.786.500	65.868.878.887	87.239.665.387

22c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả chủ yếu liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty bao gồm: quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	231.175.236.467	228.460.256.153
Doanh thu chưa thực hiện khác	3.000.427.600	3.217.325.980
Cộng	<u>234.175.664.067</u>	<u>231.677.582.133</u>

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	6.567.021.758	9.891.943.471
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(6.151.199.530)	68.627.303
Giảm do thoái vốn công ty con	(50.937.300)	-
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	-	1.957.500
Số cuối kỳ	<u>364.884.928</u>	<u>9.962.528.274</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

27. Vốn chủ sở hữu

27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

27b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	288.276.957	288.276.957
- Cổ phiếu phổ thông	288.276.957	288.276.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	288.276.957	288.276.957
- Cổ phiếu phổ thông	288.276.957	288.276.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27c. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các Công ty con lập bằng USD sang VND.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

28a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	9.356.265.300	22.517.449.299
Trên 01 năm đến 05 năm	-	10.893.101.618
Cộng	<u>9.356.265.300</u>	<u>33.410.550.917</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê và phí quản lý phải trả cho việc thuê văn phòng Công ty TNHH CJ Việt Nam tại số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**28b. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.499.223,19	8.213.668,67
Euro (EUR)	766,28	7,00
Dollar Singapore (SGD)	-	5.382,00

28c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty Cổ phần Sư Tử Chúa	1.277.515.915	1.277.515.915	Do Công ty này đã giải thể
Các đối tượng khác	1.491.795.718	1.491.795.718	Không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>2.769.311.633</u>	<u>2.769.311.633</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	1.023.013.458.188	825.819.556.942
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...	273.940.692.497	1.041.126.102.781
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.120.400.388	592.801.364
Cộng	<u>1.299.074.551.073</u>	<u>1.867.538.461.087</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	595.446.535.561	489.045.595.562
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...	218.533.382.438	910.883.082.957
Cộng	<u>813.979.917.999</u>	<u>1.399.928.678.519</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.664.293.915	7.494.829.858
Lãi tiền cho vay	455.779.315	1.375.652.777
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.778.483.883	7.948.498.799
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	-	1.642.835.053
Lãi chuyển nhượng công ty con	1.519.922.732.049	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.662.297.693	9.257.334.347
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	214.383.024	7.382.913.531
Doanh thu tài chính khác	435.716.454	402.110.882
Cộng	<u>1.546.133.686.333</u>	<u>35.504.175.247</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	53.630.625.584	87.741.458.559
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	12.955.853.746	10.480.645.796
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	7.793.973.578	2.876.296.545
Chi phí tài chính khác	(114.060.884.172)	(15.688.557.221)
Cộng	(24.431.043.793)	85.490.773.027

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng môi giới	73.571.825.982	29.321.105.733
Các chi phí khác	5.636.157.753	7.657.864.275
Cộng	79.207.983.735	36.978.970.008

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	57.526.843.110	63.909.918.519
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	3.296.491.014	2.160.385.771
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Hoàn nhập)/Dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.508.240.595	4.685.652.685
Phân bổ lợi thế thương mại	370.941.795	(1.663.119.000)
Thuế, phí và lệ phí	16.485.090.292	16.696.575.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.135.157.881	5.097.070.044
Chi phí khác	23.504.665.461	27.377.699.114
Cộng	35.816.699.899	27.144.700.898
Cộng	149.644.130.047	145.408.883.641

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	2.492.292.492	10.417.378.840
Phân bổ doanh thu chưa thực hiện (*)	2.907.645.051	2.035.351.536
Hoàn nhập dự phòng phải trả tiền phạt thuế	-	21.054.124.191
Thu nhập khác	6.487.782.904	4.626.562.531
Cộng	11.887.720.447	38.133.417.098

(*) Doanh thu chưa thực hiện do đánh giá quyền sử dụng đất khi góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link phát sinh từ năm 2008 là 283.980.000.000 VND, Tập đoàn phân bổ doanh thu chưa thực hiện trong kỳ tương ứng với thời gian khấu hao quyền sử dụng đất là 48 năm và 10 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đầu tư không hiệu quả	100.615.371.480	59.921.247.750
Chi phí khác	2.547.951.592	5.085.206.721
Cộng	103.163.323.072	65.006.454.471

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	402.537.129	764.738.837
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.521.287.982	1.382.606.511
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.314.133.464)	(500.197.320)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(6.553.736.659)	(696.111.534)
Cộng	(2.944.045.012)	951.036.494

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	1.528.862.954.602	192.543.166.727
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	(17.503.688.024)	(15.403.453.338)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.511.359.266.578	177.139.713.389
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	288.276.957	187.249.854
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.243	946
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.243	946

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116.134.274.477	175.644.730.681
Chi phí nhân công	150.145.821.471	187.925.370.508
Chi phí khấu hao tài sản cố định và lợi thế thương mại phân bổ	151.333.962.072	148.943.422.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	550.549.288.090	963.623.152.383
Chi phí khác	74.668.685.671	106.179.855.783
Cộng	1.042.832.031.781	1.582.316.532.168

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	4.139.655.000	3.747.000.000
Thu nhập khác	189.317.646	189.317.646
Cộng	4.328.972.646	3.936.317.646

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept
Công ty Cổ phần Mekong Logistics
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept

Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.

Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.

Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty con của công ty liên kết
Công ty con của công ty liên kết
Công ty con của công ty liên kết
Công ty con của Cơ sở kinh doanh
đồng kiểm soát
Công ty con của Cơ sở kinh doanh
đồng kiểm soát
Công ty con của Cơ sở kinh doanh
đồng kiểm soát
Công ty liên kết
Công ty liên kết của công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.16, V.20, V.21, và V.22.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo loại hình dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực khai thác cảng: Bao gồm dịch vụ liên quan đến khai thác cảng.
- Lĩnh vực logistics: Bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý,...
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng và đầu tư vào tòa nhà phức hợp tại Lào.
- Trồng cao su: Bao gồm các hoạt động trồng cao su tại Campuchia.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và nước ngoài (các nước Đông Nam Á).

30440
CÔNG
NHIỆM
TOÁN VÀ
&
V.T.P.V

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	1.274.046.252.320	1.698.466.334.753
Nước ngoài	25.028.298.753	169.072.126.334
Cộng	1.299.074.551.073	1.867.538.461.087

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trong nước	431.913.991.501	334.201.416.139	8.187.478.848.925	9.001.471.068.536
Nước ngoài	45.662.792.035	29.169.308.814	1.570.011.599.084	1.504.230.338.579
Cộng	477.576.783.536	363.370.724.953	9.757.490.448.009	10.505.701.407.115

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, Tập đoàn đã nhận được thông báo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn về việc chia cổ tức năm 2017 đợt 2 với tỷ lệ 30%.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, Công ty đã công bố thông tin về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với số lượng dự kiến phát hành là 8.648.000 cổ phiếu.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2018



Phạm Quang Huy
Người lập



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
RAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 01: Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong kỳ	Tăng do chuyển nhượng một phần công ty con	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Có tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ	Giá trị phần chuyển nhượng	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ	Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	1.367.125.745.238	-	-	(6.210.261.301)	-	-	-	1.360.915.483.937	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sài Gòn	512.978.204.979	-	-	64.600.750.108	(55.885.920.000)	(2.606.400.000)	-	519.086.635.087	
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	-	-	133.411.196.946	6.391.746.522	-	-	-	139.802.943.468	
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line - Gemadept	78.701.261.236	36.649.000.000	-	(1.826.305.137)	-	(136.195.800)	-	113.387.760.299	
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	-	-	111.805.652.124	(10.447.442.198)	-	-	-	101.358.209.926	
Công ty TNHH Golden Globe	89.355.403.136	-	-	(123.355.391)	-	-	-	89.232.047.745	
Công ty TNHH Thương mại Quý Cầu Vàng	77.882.534.978	-	-	1.857.806.404	-	-	-	79.740.341.382	
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	32.770.982.211	-	-	(896.982.000)	-	-	-	31.874.000.211	
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	27.555.359.395	-	-	124.344.068	-	-	(27.679.703.463)	-	
Các công ty liên doanh, liên kết khác	11.666.404.407	-	-	503.885.625	(1.157.040.000)	(221.409.896)	-	10.791.840.136	
Cộng	2.198.035.895.580	36.649.000.000	245.216.849.070	53.974.186.700	(57.042.960.000)	(2.964.005.696)	(27.679.703.463)	2.446.189.262.191	

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2018



Nguyễn Minh Nguyệt

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Phạm Quang Huy

Phạm Quang Huy
Người lập

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 02: Tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	396.188.491.516	1.951.966.831	(370.262.520.516)	(60.000.000)	27.817.937.831
Xây dựng cơ bản dở dang	2.061.620.481.882	267.421.790.934	(621.330.558.568)	(133.410.782.525)	1.574.300.931.723
Công trình khu dân cư Rạch Chiếc	51.165.085.825	-	-	-	51.165.085.825
Dự án trồng cao su của Pacific Pride	704.723.258.140	26.142.861.300	-	(28.996.462.440)	701.869.657.000
Dự án trồng cao su của Pacific Pearl	358.756.768.260	16.316.829.300	-	(13.676.904.060)	361.396.693.500
Dự án trồng cao su của Pacific Lotus	472.932.713.220	17.967.369.810	-	(41.792.542.330)	449.107.540.700
Dự án nhà kho Hậu Giang	36.855.889.212	-	-	(36.855.889.212)	-
Dự án Cảng Nam Định Vũ	394.552.832.185	169.220.852.145	(563.773.684.330)	-	-
Các dự án khác	42.633.935.040	37.773.878.379	(57.556.874.238)	(12.088.984.483)	10.761.954.698
Cộng	2.457.808.973.398	269.373.757.765	(991.593.079.084)	(133.470.782.525)	1.602.118.869.554

Đơn vị tính: VND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2018



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Phạm Quang Huy
Người lập

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 HAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.794.322.810.000	1.872.171.604.400	71.797.775.902	62.531.779.733	131.005.909.687	103.480.642.037	1.130.829.670.684	700.475.825.589	5.866.616.018.032
Tăng vốn trong kỳ	1.088.446.760.000	69.660.592.640	-	-	-	-	192.543.166.727	57.000.000.000	1.215.107.352.640
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	15.175.505.142	30.351.010.284	(102.496.790.800)	37.973.015.759	230.516.182.486
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(432.415.435.500)	(1.399.224.775)	(58.369.500.239)
Chưa có tác trong kỳ	-	-	-	-	-	(550.999.998)	-	(35.404.011.330)	(467.819.446.830)
Chi quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	(559.999.998)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	6.074.055.720	-	-	-	-	6.074.055.720
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(975.750.636)	(195.150)	(975.945.786)
Số dư cuối kỳ trước	2.882.769.570.000	1.941.832.197.040	71.797.775.902	68.605.835.453	146.181.414.829	133.271.652.323	787.484.860.385	758.645.410.093	6.790.588.716.025
Số dư đầu năm nay	2.882.769.570.000	1.941.832.197.040	71.797.775.902	65.512.288.857	140.506.685.321	128.055.807.347	1.113.091.207.224	750.971.550.398	7.094.537.082.089
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.528.862.954.602	25.323.264.165	1.554.186.218.767
Trích lập quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(40.962.084.068)	(388.962.045)	(41.351.046.113)
Chưa có tác trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(1.873.800.220.500)	(6.485.600.000)	(1.880.285.820.500)
Chi quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	(559.999.998)	-	-	(559.999.998)
Chuyển nhượng, giải thể công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	12.134.992.190	-	-	(39.411.599.353)	(106.303.643.239)	(145.715.242.592)
Số dư cuối kỳ này	2.882.769.570.000	1.941.832.197.040	71.797.775.902	77.647.281.047	140.506.685.321	127.495.807.349	687.780.257.905	663.116.609.279	12.134.592.190
									6.592.946.183.843

Đơn vị tính: VND

Ngày 08 tháng 08 năm 2018



(Signature)
 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng

(Signature)
 Phạm Quang Huy
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực logistics	Lĩnh vực bất động sản	Lĩnh vực trồng cao su	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.023.013.458.188	273.940.692.497	2.120.400.388	-	-	1.299.074.551.073
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	131.568.511.560	216.517.647.425	-	-	(348.086.158.985)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.154.581.969.748	490.458.339.922	2.120.400.388	-	(348.086.158.985)	1.299.074.551.073
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	284.873.184.558	(1.770.074.160)	2.120.400.388	(7.475.938.600)	(5.019.962.602)	272.727.609.584 (16.485.090.292)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						256.242.519.292
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						1.546.133.686.333
Doanh thu hoạt động tài chính						24.431.043.793
Chi phí tài chính						11.887.720.447
Thu nhập khác						(103.163.323.072)
Chi phí khác						53.974.186.700
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	(6.210.261.301)	58.449.996.988	1.734.451.013	-	-	(238.263.659.738)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp liên doanh						2.944.045.012
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						1.554.186.218.767
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	221.103.776.773	214.807.195.613	-	41.665.811.150	-	477.576.783.536
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	117.084.988.730	37.263.425.197	-	383.045.762	-	154.731.459.689
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực logistics	Lĩnh vực bất động sản	Lĩnh vực trồng cao su	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	825.819.556.942	1.041.126.102.781	592.801.364	-	-	1.867.538.461.087
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	186.402.859.910	284.040.105.446	-	890.536.362	(471.333.501.718)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.012.222.416.852	1.325.166.208.227	592.801.364	890.536.362	(471.333.501.718)	1.867.538.461.087
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	280.480.600.729	(105.017.036.127)	592.801.364	(5.426.184.020)	131.288.322.583	301.918.504.529
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(16.696.575.610)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						285.221.928.919
Doanh thu hoạt động tài chính						35.504.175.247
Chi phí tài chính						(85.490.773.027)
Thu nhập khác						38.133.417.098
Chi phí khác						(65.006.454.471)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						52.376.591.361
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(29.271.666.147)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(951.036.494)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.051.138.455)	37.290.961.071	722.135.703	-	-	230.516.182.486
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	226.262.404.901	110.215.566.402	-	26.892.753.650	-	363.370.724.953
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	78.722.131.287	80.513.600.710	-	347.730.592	-	159.583.462.589
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Số cuối kỳ	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực trồng cao su	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.911.503.068.172	2.224.284.193.834	151.273.022.298	2.470.330.163.705	-	9.757.490.448.009
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						247.328.703.685
Tổng tài sản	1.541.065.023.644	802.563.520.495	-	1.017.429.103.194	-	3.361.057.647.333
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.146.931.845.374	3.392.769.827.332	151.893.467.233	2.814.106.267.176	-	10.505.701.407.115
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						785.515.800.157
Tổng nợ phải trả	1.426.404.870.008	1.732.170.375.736	-	969.994.688.299	-	11.291.217.207.272
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận						4.128.569.934.043
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						68.110.191.140
Tổng nợ phải trả						4.196.680.125.183



Phạm Quang Huy
 Người lập



Nguyễn Minh-Nguyệt
 Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

